

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND phường Thượng Cát)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN:

1. Họ và tên người sử dụng đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

Hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Lợi

Số định danh cá nhân:

Hộ khẩu thường trú: Phường Tây Tựu, Hà Nội

2. Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

Hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Lợi

Số định danh cá nhân:

Hộ khẩu thường trú: Phường Tây Tựu, Hà Nội

3. Địa chỉ nơi thu hồi đất: Phường Thượng Cát

4. Tổng số nhân khẩu hiện tại nơi thu hồi đất: 10 khẩu (Trong đó: 07 khẩu đủ điều kiện hỗ trợ và 03 khẩu không đủ điều kiện hỗ trợ)

5. Tổng diện tích đất đang sử dụng: 1508 m<sup>2</sup>;

Trong đó:

- Diện tích đất trong chỉ giới thu hồi tại dự án: 1364 m<sup>2</sup>;

Trong đó:

+ Nguồn gốc đất: Đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất. 1364 m<sup>2</sup>;

- Diện tích đất ngoài chỉ giới thu hồi tại dự án: 0 m<sup>2</sup>;

6. Tỷ lệ thu hồi đất: 90,45%

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

| Stt            | Nội dung bồi thường, hỗ trợ đất         | Đơn vị tính    | Khối lượng | Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|----------------|---|----------------|------------|--------------------------------|------------------|-------------------|---------|
| (1)            | (2)                                     | (3)            | (4)        | (5)                            | (6)              | (7) = (4)x(5)x(6) | (8)     |
| 1              | Đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất. | m <sup>2</sup> | 1364,0     | 290.000                        | 100%             | 395.560.000       |         |
| Tổng cộng: (A) |   |                |            |                                |                  | 395.560.000       |         |

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi:

2.1. Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp theo quy định tại Điều 14 NĐ 88/2024/NĐ-CP: Không (B)

2.2. Nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định tại Khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai 2024: Không (C)

2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,...):

| Stt            | Tên tài sản              | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú                                  |
|----------------|--------------------------|-------------|----------|---------|------------------|-------------------|--|
| (1)            | (2)                      | (3)         | (4)      | (5)     | (6)              | (7)               | (8)                                      |
| 1              | Trồng hoa ly đang có hoa | Cây         | 25680,0  | 21.000  | 0%               | 0                 | Theo khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai 2024 |
| Tổng tiền: (D) |                          |             |          |         |                  | 0                 |  |

\* Ghi chú: Đối với vật nuôi có thể di chuyển đến cơ sở mới thì căn cứ Điều 15 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND Thành phố để áp dụng.

28

**3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:**

| Stt<br>(1)            | Khoản bồi thường, hỗ trợ<br>(2)  | Đơn vị tính<br>(3) | Khối lượng<br>(4) | Đơn giá<br>(5) | Thành tiền (đồng)<br>(6) = (4)x(5) | Ghi chú<br>(7)   |
|-----------------------|--|--------------------|-------------------|----------------|------------------------------------|--|
| 1                     | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp theo khoản 1, Điều 16, QĐ số 56 của UBND thành phố Hà Nội (bảng 5 lần giá đất nông nghiệp): 290.000đ/m <sup>2</sup> x 5 lần = 1.450.000đ/m <sup>2</sup> . | m <sup>2</sup>     | 1364,0            | 1.450.000      | 1.977.800.000                      |  |
| 2                     | Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trên 70% diện tích đất NN đang sử dụng theo khoản 1, Điều 19, ND 88 của Chính phủ (30kg x 12 tháng x 16.000đ/kg = 5.760.000đ/khẩu nông nghiệp).                             | Khẩu               | 7                 | 5.760.000      | 40.320.000                         | Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp 90,45% trên tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng                                    |
| 3                     | Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m <sup>2</sup> nhưng tối đa không quá 3.000.000đ/chủ sử dụng đất theo khoản 1, Điều 18, QĐ số 56 của UBND thành phố Hà Nội.   | m <sup>2</sup>     |                   |                | 0                                  | Sẽ được phê duyệt sau khi người sử dụng đất đủ điều kiện, nhận tiền và bàn giao diện tích đất thu hồi theo đúng quy định |
| <b>Tổng tiền: (E)</b> |  |                    |                   |                | <b>2.018.120.000</b>               |  |

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (theo K1 D25 ND 88/2024/ND-CP) (nếu có): Không (F)

5. Phương án tái định cư: Không

5.1. Phương án mua căn hộ chung cư tái định cư: Không (G)

5.2. Phương án hỗ trợ tự lo tái định cư: (H)


III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+(C)+ (D) + (E) + (H) 2.413.680.000 đồng

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: (F)+ (G) 0 đồng

V. Tổng số tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV) 2.413.680.000 đồng

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm mười ba triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng. 

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Tiến